



Tạp chí điện tử
Khoa học và Công nghệ Giao thông
Trang website: <https://jstt.vn/index.php/vn>



Article info

Type of article:

Scientific information paper

DOI:

<https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2026.vn.6.3.70-79>

***Corresponding author:**

Email address:

hantt84@utt.edu.vn

Received: 12/01/2026

Received in Revised Form:
23/02/2026

Accepted: 06/03/2026

Strengthening cooperation between universities, academies and enterprises in improving the quality of human resource training in Vietnam

Nguyen Thi Thu Ha^{1,*}, Le Minh Ngoc²

¹University of Transport Technology, Hanoi, Vietnam

²Vietnam Women's Academy, Hanoi, Vietnam

Abstract: The article research cooperation between higher education institutions, academies and the business sector in Vietnam in the process of improving the quality of human resource training. On the basis of assessing the practical situation, the study identifies the achieved results, the remaining bottlenecks and their causes. From there, the author makes recommendations and orientations to improve the coordination mechanism, improve the essence and sustainability of association activities in the coming period. Through this approach, the paper emphasizes the strategic significance of the relationship between universities and businesses for the formation of a highly qualified workforce, meeting the requirements of socio-economic development, promoting the process of industrialization, modernization and strengthening Vietnam's international integration capacity.

Keywords: Universities; academy; business; human resource training.



Tăng cường hợp tác giữa trường đại học, học viện và doanh nghiệp trong nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực ở Việt Nam

Thông tin bài viết

Dạng bài viết:

Bài báo thông tin khoa học

DOI:

<https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2026.vn.6.3.70-79>

*Tác giả liên hệ:

Địa chỉ Email:

hantt84@utt.edu.vn

Ngày nộp bài: 12/01/2026

Ngày nộp bài sửa: 23/02/2026

Ngày chấp nhận: 06/03/2026

Nguyễn Thị Thu Hà^{1,*}, Lê Minh Ngọc²

¹Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Hà Nội, Việt Nam

²Học viện Phụ nữ Việt Nam, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học, học viện với khu vực doanh nghiệp tại Việt Nam trong quá trình nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực. Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tiễn, nghiên cứu nhận diện những kết quả đạt được, những điểm nghẽn còn tồn tại và nguyên nhân của chúng. Từ đó, tác giả đưa ra các khuyến nghị và định hướng nhằm hoàn thiện cơ chế phối hợp, nâng cao tính thực chất và bền vững của hoạt động liên kết trong giai đoạn tới.

Thông qua cách tiếp cận này, bài viết nhấn mạnh ý nghĩa chiến lược của mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp đối với việc hình thành lực lượng lao động có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tăng cường năng lực hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Từ khóa: Trường đại học; học viện; doanh nghiệp; đào tạo nhân lực.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, nguồn nhân lực chất lượng cao trở thành yếu tố then chốt quyết định năng lực cạnh tranh và sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Ở Việt Nam, yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã được Đảng và Nhà nước xác định là nhiệm vụ chiến lược nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, chất lượng đào tạo ở nhiều trường đại học, học viện vẫn chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động; khoảng cách giữa “đào tạo” và “sử dụng” còn khá lớn. Nhiều doanh nghiệp phải tốn thêm thời gian và chi phí để đào tạo lại người lao động sau khi tuyển dụng, trong khi sinh viên tốt nghiệp khó tìm được việc làm phù hợp với chuyên môn. Một trong những nguyên nhân cơ bản

của thực trạng này là mối quan hệ hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp còn hạn chế, thiếu chiều sâu và tính bền vững. Cơ chế phối hợp giữa hai bên trong việc xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức thực hành, thực tập, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ còn nhiều bất cập. Trong khi đó, ở các quốc gia phát triển, mô hình hợp tác “ba nhà” - Nhà trường - Nhà nước - Doanh nghiệp đã chứng minh hiệu quả rõ rệt trong việc gắn đào tạo với thực tiễn sản xuất, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đồng thời nâng cao năng lực của người học.

Thực tiễn ở Việt Nam cho thấy, đã có nhiều mô hình hợp tác hiệu quả giữa trường đại học và doanh nghiệp như các chương trình đào tạo theo đơn đặt hàng, trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm khởi nghiệp, hoặc chương trình thực tập có hướng dẫn từ doanh nghiệp. Tuy nhiên, những mô

hình này vẫn còn mang tính cục bộ, chưa được nhân rộng và thiếu cơ chế chính sách hỗ trợ nhất quán. Để nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, việc tăng cường hợp tác giữa các trường đại học, học viện và doanh nghiệp trở thành yêu cầu cấp thiết, đòi hỏi sự tham gia đồng bộ của các chủ thể liên quan. Chính vì vậy, nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp tăng cường hợp tác giữa trường đại học, học viện và doanh nghiệp trong nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực ở Việt Nam là rất cần thiết hiện nay.

2. Cơ sở lý luận và Phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Theo Khoản 2, Điều 4, Luật giáo dục đại học năm 2018, “Trường đại học, học viện (sau đây gọi chung là trường đại học) là cơ sở giáo dục đại học đào tạo, nghiên cứu nhiều ngành, được cơ cấu tổ chức theo quy định của Luật này” [1]. Như vậy, trường đại học, học viện là cơ sở giáo dục đại học thực hiện chức năng đào tạo và nghiên cứu khoa học ở nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau; hoạt động theo cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Luật Giáo dục đại học và các văn bản pháp luật liên quan. Luật Doanh nghiệp định nghĩa: “Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh” [2]. Như vậy, doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, tài sản, trụ sở giao dịch ổn định và được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật, hoạt động với mục tiêu chính là thực hiện các hoạt động kinh doanh nhằm tạo ra lợi nhuận và đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Chiến lược Phát triển giáo dục Việt Nam giai đoạn 2011-2020 xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm thúc đẩy chất lượng giáo dục là đẩy mạnh sự liên kết giữa hoạt động đào tạo với thực tiễn sử dụng lao động, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, qua đó đáp ứng tốt hơn yêu cầu của xã hội. Chiến lược cũng đưa ra các định hướng cụ thể, trong đó nhấn mạnh việc xác lập rõ trách nhiệm của doanh nghiệp trong tham gia đầu tư và phát triển nguồn

nhân lực, đồng thời khuyến khích tăng cường mối quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo và khu vực doanh nghiệp [3].

Luật Giáo dục đại học năm 2012 đã xác lập rõ định hướng của Nhà nước trong phát triển giáo dục đại học, trong đó nhấn mạnh yêu cầu kết nối chặt chẽ hoạt động đào tạo với nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ. Đồng thời, luật cũng đề cao việc mở rộng và tăng cường quan hệ hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học với các tổ chức nghiên cứu khoa học cũng như với cộng đồng doanh nghiệp, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội [4]. Nghị quyết 29 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã khẳng định một định hướng quan trọng là lấy mức độ thị trường lao động tiếp nhận và đánh giá người học làm thước đo chủ yếu phản ánh uy tín, chất lượng của các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp [5]. Đây cũng được xem là cơ sở để các cơ sở đào tạo xác định phương hướng phát triển và điều chỉnh cơ cấu ngành nghề cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Bên cạnh đó, nghị quyết nhấn mạnh việc tăng cường tổ chức đào tạo, bồi dưỡng năng lực và kỹ năng nghề ngay tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhằm gắn kết chặt chẽ quá trình học tập với môi trường làm việc thực tế.

Tác giả Phạm Thị Hằng (2021) cho rằng: “Hợp tác giữa đại học và doanh nghiệp là sự tương tác trực tiếp hoặc gián tiếp, có tính chất cá nhân hay tổ chức giữa trường đại học và các doanh nghiệp nhằm hỗ trợ lẫn nhau vì lợi ích của cả hai bên: hợp tác trong nghiên cứu và phát triển; kích thích sự vận động năng động qua lại của giảng viên, sinh viên và các nhà chuyên môn đang làm việc tại các doanh nghiệp; thương mại hóa các kết quả nghiên cứu; xây dựng chương trình đào tạo; hỗ trợ các nỗ lực sáng nghiệp và quản trị tổ chức” [6]. Theo Nguyễn Việt Hà (2017), hợp tác giữa trường đại học, học viện và doanh nghiệp “được thực hiện theo hình thức là đối tác của nhau và theo mức độ tăng dần từ cộng tác, tương tác, hợp tác, liên kết đến đối tác chiến lược lâu dài và gọi chung các giao dịch trao đổi này là hợp tác trên cơ

sở nhằm mục tiêu phục vụ lợi ích cho các bên liên quan” [7].

Trong phạm vi bài viết này, tác giả quan niệm: Hợp tác giữa trường đại học, học viện và doanh nghiệp trong nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực là quá trình phối hợp chặt chẽ, có tổ chức và cùng có lợi giữa các cơ sở giáo dục đại học và các doanh nghiệp nhằm gắn kết đào tạo với thực tiễn sản xuất - kinh doanh. Thông qua hợp tác, trường đại học cung cấp tri thức, nghiên cứu và nguồn nhân lực; doanh nghiệp hỗ trợ môi trường thực hành, kinh nghiệm nghề nghiệp và phản hồi về nhu cầu lao động. Sự kết nối này giúp điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu thị trường, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh của người học và góp phần hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng kết hợp phương pháp phân tích, tổng hợp và nghiên cứu điển hình để bảo đảm tính khoa học và khả năng ứng dụng thực tiễn. Phương pháp phân tích được triển khai thông qua việc xem xét hệ thống văn bản chính sách, mô hình liên kết đào tạo, nhu cầu thị trường lao động và khoảng cách giữa chuẩn đầu ra với yêu cầu của doanh nghiệp. Từ các dữ liệu đó, nghiên cứu tiến hành tổng hợp nhằm nhận diện xu hướng, rút ra các nhóm vấn đề cốt lõi và hình thành khung lý thuyết cho giải pháp hợp tác.

Bên cạnh đó, phương pháp nghiên cứu điển hình được áp dụng thông qua việc lựa chọn một số mô hình phối hợp tiêu biểu giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp để khảo sát sâu tại Đại học Đà Nẵng, Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Đại học Bách khoa Hà Nội. Việc phân tích kinh nghiệm thành công, cơ chế vận hành, lợi ích mang lại cho người học và nhà tuyển dụng giúp minh chứng cho tính khả thi của các đề xuất. Sự kết hợp ba phương pháp tạo nên cái nhìn toàn diện, vừa có chiều rộng hệ thống vừa có chiều sâu thực chứng.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Vai trò của hợp tác giữa trường đại học, học viện và doanh nghiệp trong nâng cao chất

lượng đào tạo nhân lực

Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng cùng tác động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, yêu cầu đối với chất lượng nguồn nhân lực ngày càng cao và đa chiều. Doanh nghiệp không chỉ tìm kiếm người lao động có nền tảng kiến thức chuyên môn mà còn cần năng lực thực hành, tư duy sáng tạo, kỹ năng mềm, khả năng thích nghi nhanh với thay đổi công nghệ và môi trường làm việc linh hoạt. Trong khi đó, nhiều cơ sở giáo dục đại học vẫn gặp khó khăn trong việc rút ngắn khoảng cách giữa nội dung đào tạo và nhu cầu thực tiễn. Chính vì vậy, sự liên kết giữa trường đại học, học viện với doanh nghiệp ngày càng trở thành nhân tố quyết định, giữ vai trò trung tâm trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Hợp tác giúp điều chỉnh quá trình đào tạo theo hướng gắn liền với thị trường lao động. Khi doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, góp ý chuẩn đầu ra hoặc cập nhật xu hướng nghề nghiệp, nội dung giảng dạy sẽ trở nên sát thực tế hơn. Nhà trường nhờ đó có thể kịp thời đổi mới môn học, phương pháp giảng dạy, tăng cường thực hành và giảm bớt tính hàn lâm thuần túy. Đây là cơ sở để hạn chế tình trạng sinh viên tốt nghiệp nhưng thiếu kỹ năng làm việc, đồng thời nâng cao mức độ sẵn sàng nghề nghiệp ngay sau khi ra trường.

Hợp tác giữa trường đại học, học viện và doanh nghiệp tạo môi trường trải nghiệm nghề nghiệp sớm cho người học. Thông qua các chương trình thực tập, kiến tập, học kỳ doanh nghiệp hoặc đào tạo kết hợp, sinh viên có cơ hội tiếp cận dây chuyền sản xuất, quy trình quản lý và văn hóa làm việc thực tế. Quá trình này giúp củng cố kiến thức lý thuyết bằng trải nghiệm cụ thể, từ đó hình thành năng lực nghề nghiệp bền vững. Việc thường xuyên va chạm với yêu cầu công việc còn rèn luyện cho sinh viên tác phong chuyên nghiệp, kỷ luật lao động, khả năng làm việc nhóm và giải quyết vấn đề. Đây là những yếu tố quan trọng quyết định năng lực cạnh tranh của lao động trong nền kinh tế hiện đại.

Đối với doanh nghiệp, mối quan hệ hợp tác mang lại lợi ích thiết thực trong việc chủ động nguồn nhân lực. Thông qua tiếp xúc với sinh viên trong quá trình đào tạo, doanh nghiệp có thể phát hiện sớm những cá nhân phù hợp, tham gia định hướng và bồi dưỡng kỹ năng theo nhu cầu riêng. Điều này giúp giảm đáng kể chi phí và thời gian đào tạo lại sau tuyển dụng. Hơn nữa, việc tham gia vào hoạt động đào tạo còn tạo cơ hội để doanh nghiệp quảng bá hình ảnh, xây dựng thương hiệu nhà tuyển dụng và thu hút nhân tài.

Hợp tác giữa trường đại học, học viện và doanh nghiệp còn giữ vai trò cầu nối trong chuyển giao tri thức và công nghệ. Các trường đại học là nơi tập trung đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học và cơ sở nghiên cứu, trong khi doanh nghiệp sở hữu điều kiện triển khai và thương mại hóa sản phẩm. Khi hai bên phối hợp thực hiện đề tài nghiên cứu ứng dụng, kết quả khoa học có thể nhanh chóng được đưa vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất và giá trị gia tăng. Ngược lại, những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn doanh nghiệp sẽ trở thành nguồn dữ liệu quý giá cho hoạt động nghiên cứu và đổi mới sáng tạo trong nhà trường. Sự tương tác hai chiều này thúc đẩy hình thành nền kinh tế dựa trên tri thức và công nghệ.

Hợp tác giữa trường đại học, học viện và doanh nghiệp còn giúp tăng cường hiệu quả công tác hướng nghiệp. Thông qua hội thảo, tọa đàm, ngày hội việc làm hay chương trình cố vấn nghề nghiệp, sinh viên được cung cấp thông tin cập nhật về xu hướng tuyển dụng, tiêu chuẩn năng lực và cơ hội phát triển. Nhờ hiểu rõ yêu cầu thị trường, người học có thể điều chỉnh kế hoạch học tập, bổ sung kỹ năng cần thiết và xác định mục tiêu nghề nghiệp phù hợp. Điều này góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp và nâng cao sự hài lòng của nhà tuyển dụng đối với chất lượng lao động mới.

Ở tầm vĩ mô, sự hợp tác bền vững giữa trường đại học, học viện và doanh nghiệp góp phần hình thành hệ sinh thái giáo dục - nghiên cứu - sản xuất có tính cộng hưởng. Khi có sự tham gia định hướng của Nhà nước thông qua chính sách hỗ trợ, cơ chế tài chính và khung pháp lý, mô hình

phối hợp này sẽ vận hành hiệu quả hơn. Nhà trường đảm nhiệm chức năng đào tạo và nghiên cứu, doanh nghiệp phản hồi nhu cầu và sử dụng lao động, còn Nhà nước đóng vai trò kiến tạo môi trường phát triển. Sự phối hợp nhịp nhàng giữa ba chủ thể sẽ tạo động lực nâng cao chất lượng nguồn nhân lực một cách toàn diện.

Hợp tác cũng thúc đẩy đổi mới phương pháp giảng dạy. Khi yêu cầu thực tiễn được đặt ra rõ ràng, giảng viên buộc phải cập nhật kiến thức, áp dụng mô hình đào tạo dựa trên dự án, tình huống hoặc giải quyết vấn đề. Sinh viên nhờ đó trở thành trung tâm của quá trình học tập, phát huy tư duy phản biện và khả năng sáng tạo. Đây là nền tảng để xây dựng lực lượng lao động năng động, sẵn sàng thích ứng với biến động nhanh của thị trường.

Nhìn chung, vai trò của hợp tác giữa trường đại học, học viện và doanh nghiệp không chỉ dừng ở việc hỗ trợ việc làm cho sinh viên mà còn góp phần tái cấu trúc toàn bộ quá trình đào tạo. Nó tạo ra sự thống nhất giữa cung và cầu lao động, giữa tri thức hàn lâm và thực tiễn sản xuất, giữa nghiên cứu và ứng dụng. Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu, quốc gia nào xây dựng được cơ chế hợp tác hiệu quả sẽ có lợi thế lớn về chất lượng nhân lực.

Có thể khẳng định rằng, tăng cường hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp là giải pháp chiến lược nhằm thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo và sử dụng lao động. Thông qua sự phối hợp chặt chẽ, nguồn nhân lực được chuẩn bị tốt hơn về kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp, từ đó đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Đây chính là con đường quan trọng để giáo dục đại học Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

3.2. Thực trạng hợp tác giữa trường đại học, học viện và doanh nghiệp trong nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực ở Việt Nam hiện nay

Trong bối cảnh yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo gắn với phát triển khoa học, công nghệ và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhiều cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam đã từng bước chuyển hướng từ mô hình đào tạo khép kín sang mô hình đào tạo mở, tăng cường gắn kết

với khu vực sản xuất – kinh doanh. Một trong những xu hướng nổi bật là sự chủ động thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp như một giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực. Thực tiễn triển khai cho thấy, mối liên kết này đã mang lại những kết quả bước đầu đáng ghi nhận, góp phần rút ngắn khoảng cách giữa tri thức hàn lâm và yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động. Tuy nhiên, mức độ hiệu quả của hợp tác vẫn chưa đồng đều giữa các cơ sở đào tạo và các lĩnh vực, đòi hỏi tiếp tục được hoàn thiện cả về cơ chế lẫn phương thức tổ chức thực hiện.

Về kết quả đạt được

Hợp tác giữa trường đại học, học viện với doanh nghiệp đã tạo điều kiện để các chương trình đào tạo được điều chỉnh theo hướng linh hoạt và thực tiễn hơn. Nhiều trường đại học, học viện đã thiết lập cơ chế tham vấn thường xuyên với doanh nghiệp thông qua việc mời đại diện doanh nghiệp tham gia hội đồng tư vấn, góp ý xây dựng chuẩn đầu ra và định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên. Nhờ đó, nội dung đào tạo từng bước giảm tính hàn lâm thuần túy, tăng cường hàm lượng thực hành và cập nhật kịp thời những yêu cầu mới của thị trường lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực có tốc độ thay đổi nhanh như công nghệ thông tin, kỹ thuật - công nghệ, du lịch, quản trị kinh doanh và tài chính - kế toán.

Thực tế triển khai tại nhiều cơ sở giáo dục đại học quy mô lớn đã minh chứng tính hiệu quả của mô hình hợp tác với doanh nghiệp. Tiêu biểu, Đại học Bách khoa Hà Nội được xem là một trong những đơn vị tiên phong trong việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với các tập đoàn thuộc lĩnh vực công nghệ, điện tử, viễn thông và cơ khí. Thông qua các chương trình phối hợp toàn diện, nhà trường hình thành cầu nối chặt chẽ giữa đào tạo, nghiên cứu và hoạt động sản xuất - kinh doanh. Nhờ cơ chế này, sinh viên không chỉ tham gia các đợt thực tập nghề nghiệp mà còn có cơ hội tiếp cận dự án nghiên cứu - phát triển, lớp học chuyên đề và hoạt động huấn luyện do doanh nghiệp đồng tổ chức. Quá trình trải nghiệm thực tế

giúp người học tích lũy kỹ năng, hiểu rõ yêu cầu công việc và nâng cao khả năng hòa nhập với môi trường lao động sau khi ra trường. Về phía doanh nghiệp, sự gắn kết với nhà trường tạo điều kiện nhận diện sớm nhân sự tiềm năng, chủ động đào tạo theo nhu cầu và khai thác hiệu quả nguồn sáng kiến, tri thức từ giới học thuật.

Hiện nay, việc tổ chức cho sinh viên tham gia thực tập và tiếp cận môi trường nghề nghiệp được các trường đại học quan tâm ở mức độ cao hơn và triển khai theo hướng chuyên nghiệp, có hệ thống. Nhiều cơ sở đào tạo chủ động phát triển mạng lưới liên kết với doanh nghiệp, ngân hàng, nhà máy và các tập đoàn lớn, qua đó mở rộng cơ hội để người học được trải nghiệm công việc ngay trong thời gian học tập. Quá trình tham gia thực tế giúp sinh viên củng cố năng lực chuyên môn, làm quen với quy trình vận hành, rèn luyện kỷ luật lao động và tích lũy hiểu biết về văn hóa tổ chức. Bên cạnh đó, các hình thức đào tạo như học tập tại doanh nghiệp trong một học kỳ hoặc mô hình kết hợp giữa học và làm đang dần phổ biến, đặc biệt ở nhóm ngành kỹ thuật và kinh tế - tài chính. Thực tiễn cho thấy những cách tiếp cận này góp phần tăng cường kỹ năng thực hành, đồng thời thu hẹp khoảng cách giữa nội dung đào tạo và yêu cầu tuyển dụng.

Thực tế tại nhiều cơ sở giáo dục đại học quy mô lớn ở Việt Nam, chẳng hạn Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Kinh tế Quốc dân và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, cho thấy hiệu quả rõ rệt khi doanh nghiệp tham gia sâu vào hoạt động đào tạo. Sự hiện diện của doanh nghiệp thông qua các chương trình thực tập có hỗ trợ tài chính, việc đồng hành trong các dự án tốt nghiệp, hay các seminar do chuyên gia thực tiễn đảm nhiệm đã giúp sinh viên tiếp cận sớm với yêu cầu nghề nghiệp [8]. Nhờ những trải nghiệm này, người học không chỉ nâng cao kỹ năng chuyên môn mà còn hiểu rõ hơn kỳ vọng của nhà tuyển dụng. Kết quả là tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm phù hợp với ngành đào tạo, cũng như mức thu nhập ban đầu, thường cao hơn đáng kể so với mặt bằng chung của thị trường lao động.

Nhìn chung, những kết quả đạt được bước

đầu khẳng định tính đúng đắn của việc tăng cường hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực. Tuy nhiên, để mối quan hệ này thực sự trở thành động lực bền vững cho phát triển nguồn nhân lực quốc gia, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp, nâng cao tính ràng buộc trách nhiệm giữa các bên và mở rộng hợp tác theo chiều sâu, gắn chặt hơn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn.

Ví dụ, Đại học Đà Nẵng hiện có quan hệ hợp tác với hơn 120 doanh nghiệp trong và ngoài nước, gồm nhiều thương hiệu lớn như Fujikin, LG, Microsoft, UAC, Mikazuki, EVN, Viettel, BIDV, Sun Group, Thaco và Lọc hóa dầu Bình Sơn. Các hoạt động hợp tác được triển khai dựa trên nhu cầu và thế mạnh của mỗi bên, tập trung vào đào tạo, nghiên cứu và tuyển dụng. Doanh nghiệp tham gia xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo, hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, đồng thời cùng nhà trường thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu, chuyển giao công nghệ với tổng kinh phí hơn 30 tỷ đồng giai đoạn 2016-2021. Hằng năm, Đại học Đà Nẵng cung ứng hơn 50% đội ngũ kỹ sư cho các ngành công nghiệp chủ lực khu vực miền Trung - Tây Nguyên như điện lực, dầu khí, công nghệ thông tin... Ngoài ra, sinh viên còn nhận được nhiều học bổng và hỗ trợ thiết thực từ doanh nghiệp; riêng giai đoạn 2019-2022, tổng giá trị học bổng và hỗ trợ sinh viên khó khăn đạt hơn 19,1 tỷ đồng. Mô hình hợp tác này góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường và thị trường lao động [9].

Hợp tác còn mở ra cơ hội nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Nhiều dự án nghiên cứu ứng dụng được phối hợp thực hiện giữa giảng viên, sinh viên và doanh nghiệp, giúp đưa các kết quả khoa học vào sản xuất, cải tiến quy trình công nghệ. Các trung tâm khởi nghiệp - sáng tạo trong trường đại học, với sự hỗ trợ của doanh nghiệp, đã trở thành nơi ươm mầm ý tưởng, giúp sinh viên phát triển năng lực sáng tạo, đổi mới. Nhiều cơ sở giáo dục đại học hiện nay không dừng lại ở việc liên kết với doanh nghiệp trong nước mà còn chủ động vươn

ra thị trường quốc tế nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu. Chẳng hạn, Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải đã thiết lập và triển khai nhiều chương trình phối hợp với các đối tác Hàn Quốc như Korea Railroad Research Institute (KRRRI), Korea Railroad Corporation (KORAIL), Tongmyong University và Korea International Cooperation Agency. Thông qua các hoạt động hợp tác này, nhiều cán bộ, giảng viên và sinh viên đã có cơ hội học tập, tiếp cận công nghệ tiên tiến, đồng thời mở rộng quan hệ nghiên cứu gắn với yêu cầu phát triển của Việt Nam [10]. Những chương trình liên kết quốc tế như vậy góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật tri thức mới và từng bước khắc phục tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực có tay nghề cao cho thị trường lao động. Một bộ phận sinh viên sau khi tham gia chương trình thực tập hoặc dự án với doanh nghiệp được tuyển dụng ngay sau khi tốt nghiệp, giảm đáng kể tỷ lệ thất nghiệp và đáp ứng yêu cầu nhân lực cho nền kinh tế.

Những hạn chế, tồn tại

Cùng với những kết quả tích cực, mối quan hệ hợp tác giữa trường đại học, học viện và doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay vẫn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập.

(i) Sự hợp tác còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu và thiếu bền vững. Ở nhiều nơi, hoạt động ký kết hợp tác chỉ dừng ở mức biên bản ghi nhớ (MOU) mà chưa được triển khai cụ thể thành các chương trình, dự án dài hạn. Cả hai bên - nhà trường và doanh nghiệp - chưa thực sự xem đây là trách nhiệm chiến lược mà mới dừng ở lợi ích ngắn hạn. Tại một số trường, lễ ký thỏa thuận hợp tác với doanh nghiệp được tổ chức quy mô, truyền thông rộng rãi, tuy nhiên sau đó không hình thành kế hoạch triển khai cụ thể. Doanh nghiệp hiếm khi tham gia xây dựng chương trình đào tạo, còn sinh viên cũng ít có cơ hội thực tập hoặc làm việc tại đơn vị đối tác. Một số doanh nghiệp chỉ tham gia khi cần tuyển dụng gấp hoặc khi có chương trình hỗ trợ tài chính từ Nhà nước. Khi nhu cầu giảm, hoạt động phối hợp cũng chấm dứt, không có chiến lược phát triển lâu dài.

(ii) Cơ chế, chính sách hỗ trợ từ Nhà nước còn thiếu đồng bộ và chưa khuyến khích mạnh mẽ doanh nghiệp tham gia đào tạo. Hiện chưa có nhiều quy định cụ thể về trách nhiệm, quyền lợi của doanh nghiệp khi phối hợp với cơ sở đào tạo; chính sách ưu đãi thuế, tài chính cho doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục - đào tạo còn hạn chế. Điều này khiến doanh nghiệp ít mặn mà, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

(iii) Sự chênh lệch về mục tiêu và năng lực giữa hai bên cũng là một rào cản lớn. Trong khi các trường đại học tập trung vào nhiệm vụ học thuật và nghiên cứu, doanh nghiệp lại hướng đến hiệu quả kinh tế trước mắt, dẫn đến khó thống nhất trong mục tiêu hợp tác. Ngoài ra, nhiều trường vẫn thiếu đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm thực tế, trong khi doanh nghiệp thiếu nhân sự chuyên trách đào tạo hoặc hướng dẫn sinh viên.

(iv) Hệ thống thông tin và kết nối cung - cầu nhân lực còn yếu, chưa có cơ sở dữ liệu dùng chung để dự báo nhu cầu nhân lực, định hướng đào tạo. Việc đánh giá hiệu quả hợp tác cũng chưa có tiêu chí chuẩn hóa, khiến nhiều hoạt động diễn ra tự phát, thiếu giám sát và đo lường kết quả cụ thể.

(v) Nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho hoạt động hợp tác còn hạn chế, đặc biệt ở các trường công lập và doanh nghiệp vừa và nhỏ. Việc tổ chức các dự án nghiên cứu chung, trung tâm thực hành, phòng thí nghiệm liên kết đòi hỏi đầu tư lớn mà không phải đơn vị nào cũng đủ khả năng.

Nguyên nhân của hạn chế, tồn tại:

Trong những năm qua, liên kết giữa cơ sở giáo dục đại học và khu vực doanh nghiệp đã đạt được một số kết quả tích cực, tuy nhiên vẫn tồn tại nhiều điểm nghẽn làm giảm hiệu quả hợp tác. Có thể khái quát bốn nguyên nhân chủ yếu sau.

Thứ nhất, sự khác biệt về mục tiêu và lợi ích giữa hai bên khiến quá trình phối hợp thiếu tính bền vững. Nhà trường thường chú trọng nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu dài hạn, trong khi doanh nghiệp quan tâm nhiều hơn đến hiệu quả kinh tế trước mắt. Khi chưa tìm được tiếng nói chung về trách nhiệm và quyền lợi, hoạt động hợp tác dễ

mang tính hình thức.

Thứ hai, cơ chế, chính sách và hành lang pháp lý cho hợp tác vẫn chưa thật sự đồng bộ. Nhiều quy định liên quan đến đặt hàng đào tạo, chia sẻ nguồn lực, tài chính cho nghiên cứu chung còn phức tạp, khiến doanh nghiệp chưa mạnh dạn tham gia sâu vào quá trình đào tạo.

Thứ ba, năng lực kết nối và tổ chức thực hiện của một số cơ sở đào tạo còn hạn chế. Thiếu bộ phận chuyên trách, thiếu thông tin về nhu cầu nhân lực của thị trường dẫn đến việc tìm kiếm, duy trì đối tác gặp khó khăn, chưa tạo được mạng lưới hợp tác ổn định.

Thứ tư, tâm lý e ngại và thiếu niềm tin lẫn nhau vẫn tồn tại. Doanh nghiệp lo ngại chất lượng sinh viên chưa đáp ứng yêu cầu, trong khi nhà trường sợ bị chi phối bởi lợi ích ngắn hạn. Điều này làm cho mức độ tham gia của hai bên vào các chương trình chung chưa sâu. Những nguyên nhân trên đòi hỏi cần có giải pháp toàn diện để thúc đẩy mối quan hệ hợp tác thực chất và hiệu quả hơn trong thời gian tới.

3.3. Giải pháp đẩy mạnh kết nối đào tạo giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp ở Việt nam hiện nay

Trước yêu cầu cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt về nguồn nhân lực, chất lượng nguồn nhân lực đang trở thành một trong những yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh và khả năng phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Đối với Việt Nam, mặc dù quan hệ hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp đã có những chuyển biến tích cực trong thời gian qua, song nhìn tổng thể, mối liên kết này vẫn chưa được thiết lập trên nền tảng cơ chế ổn định và hiệu quả lâu dài. Sự thiếu đồng bộ về chính sách, phương thức phối hợp còn mang tính ngắn hạn, hình thức đã hạn chế tác động thực chất của hợp tác đối với chất lượng đào tạo nhân lực. Vì vậy, việc xây dựng và triển khai các giải pháp mang tính hệ thống, bền vững nhằm tăng cường gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp là yêu cầu cấp thiết, nhất là trong bối cảnh phát triển kinh tế tri thức và chuyển đổi số hiện nay.

Một là, hoàn thiện khung pháp lý điều chỉnh

hoạt động hợp tác giữa trường đại học, học viện và doanh nghiệp trong đào tạo nhân lực. Nhà nước cần cụ thể hóa các quy định liên quan đến quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên trong hợp tác đào tạo nhân lực, qua đó tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho việc triển khai các chương trình liên kết. Đồng thời, cần thiết kế các chính sách khuyến khích phù hợp, như ưu đãi về thuế, tín dụng hoặc hỗ trợ tài chính đối với doanh nghiệp tham gia vào đào tạo, tiếp nhận sinh viên thực tập, đồng hành trong nghiên cứu hoặc tài trợ học bổng. Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm của một số quốc gia như Singapore, Hàn Quốc, Cộng hòa Liên bang Đức,... Bên cạnh đó, việc xây dựng cơ chế theo dõi, đánh giá hiệu quả hợp tác là cần thiết nhằm bảo đảm tính minh bạch, thực chất và hạn chế tình trạng hợp tác mang tính hình thức.

Hai là, các trường đại học và học viện cần phát huy vai trò chủ động trong việc thiết lập, duy trì và mở rộng quan hệ đối tác với doanh nghiệp. Việc hình thành các bộ phận chuyên trách như trung tâm kết nối doanh nghiệp hoặc đơn vị hỗ trợ việc làm sẽ giúp chuyên nghiệp hóa hoạt động hợp tác, từ khâu tìm kiếm đối tác đến tổ chức triển khai và đánh giá kết quả. Đồng thời, xây dựng chiến lược hợp tác dài hạn với các doanh nghiệp có uy tín trong từng lĩnh vực chuyên môn sẽ tạo nền tảng ổn định cho việc định hướng chương trình đào tạo và mở rộng cơ hội thực tập, việc làm cho sinh viên. Ở cấp khoa, bộ môn, cần tăng cường kết nối trực tiếp với doanh nghiệp cùng ngành nghề để triển khai các hoạt động hợp tác cụ thể, gắn đào tạo với thực tiễn nghề nghiệp.

Ba là, doanh nghiệp cần tham gia tích cực và có trách nhiệm hơn trong quá trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Không chỉ dừng lại ở vai trò tiếp nhận sinh viên thực tập, doanh nghiệp cần được xác định là đối tác chiến lược trong việc cung cấp thông tin về nhu cầu lao động, tham gia góp ý chương trình đào tạo và hỗ trợ nguồn lực chuyên gia. Các mô hình đào tạo theo nhu cầu đặt hàng của doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp xác định yêu cầu về số lượng và kỹ năng, còn nhà trường tổ chức đào tạo tương ứng, cần được khuyến

khích nhân rộng. Bên cạnh đó, việc doanh nghiệp đầu tư vào cơ sở thực hành, trung tâm nghiên cứu hoặc quỹ học bổng cho sinh viên có thành tích tốt nên được coi là một hình thức đầu tư dài hạn cho nguồn nhân lực tương lai.

Bốn là, cần đẩy mạnh các hình thức đào tạo có sự liên kết mật thiết với doanh nghiệp, chẳng hạn như học tập tại nơi làm việc trong một giai đoạn nhất định, mô hình kết hợp giữa học và làm, hay các chương trình thực tập được hưởng thù lao. Những cách tiếp cận này cho phép sinh viên tiếp xúc trực tiếp với hoạt động sản xuất - kinh doanh, qua đó phát triển năng lực chuyên môn, rèn luyện tác phong chuyên nghiệp và nâng cao khả năng hòa nhập với môi trường tổ chức. Đồng thời, việc xây dựng khung quy định thống nhất về nội dung, thời lượng và phương thức đánh giá kết quả tham gia tại doanh nghiệp là hết sức cần thiết. Khi thành quả của quá trình này được thừa nhận như một phần chính thức của chương trình học, hoạt động trải nghiệm sẽ trở nên thiết thực hơn, tránh hình thức và mang lại giá trị rõ rệt cho cả người học lẫn đơn vị sử dụng lao động.

Năm là, việc cải tiến chương trình và cách thức tổ chức dạy - học theo hướng thích ứng, linh hoạt và đặt người học vào vị trí trung tâm đã trở thành đòi hỏi khách quan đối với giáo dục đại học. Các trường cần tăng cường khai thác nền tảng số trong quá trình giảng dạy, mở rộng nguồn học liệu dùng chung và bổ sung vào chương trình những năng lực thiết yếu của thời đại như chuyển đổi số, tư duy sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp cùng các kỹ năng mềm. Bên cạnh đổi mới nội dung, việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên cũng giữ vai trò then chốt. Giảng viên cần có cơ hội tham gia hoạt động thực tế tại doanh nghiệp, dự các khóa cập nhật chuyên môn gắn với môi trường nghề nghiệp, từ đó làm giàu kinh nghiệm và tăng khả năng liên kết giữa bài giảng với nhu cầu của thị trường lao động.

Sáu là, từng bước thiết lập và hoàn thiện cơ chế thu thập, phân tích cũng như dự báo nhu cầu lao động ở quy mô quốc gia nhằm tạo sự kết nối hiệu quả giữa quá trình đào tạo và thị trường việc

làm. Việc xây dựng một hệ thống dữ liệu thống nhất về tình hình cung - cầu nhân lực theo ngành nghề, lĩnh vực chuyên môn, trình độ và khu vực địa lý sẽ cung cấp căn cứ quan trọng cho các trường đại học trong hoạch định chiến lược phát triển. Nhờ nguồn thông tin này, cơ sở đào tạo có thể chủ động điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh, cơ cấu ngành học và cập nhật chương trình giảng dạy theo hướng phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội trong từng giai đoạn.

Bây là, việc nuôi dưỡng tinh thần phối hợp và tăng cường sự tin cậy giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp giữ vai trò nền tảng đối với hiệu quả liên kết. Quan hệ này cần được xem như một lựa chọn mang lại lợi ích lâu dài cho cả hai phía, thay vì chỉ là trách nhiệm phải thực hiện. Duy trì kênh trao đổi thường xuyên, tổ chức rà soát định kỳ và bảo đảm tôn trọng quyền lợi hợp pháp của từng bên sẽ giúp xây dựng sự gắn bó vững chắc và ổn định. Trên cơ sở đó, hoạt động hợp tác sẽ phát huy giá trị thực chất, đóng góp thiết thực vào việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

4. Kết luận

Trong điều kiện hội nhập toàn cầu ngày càng sâu rộng và tiến trình chuyển đổi số diễn ra nhanh chóng, việc thúc đẩy liên kết giữa các trường đại học, học viện với doanh nghiệp được xem là định hướng mang tính nền tảng để cải thiện chất lượng nguồn nhân lực ở Việt Nam. Sự phối hợp này góp phần rút ngắn độ vênh giữa kiến thức hàn lâm và yêu cầu công việc, từ đó nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và khả năng thích ứng với môi trường lao động hiện đại. Không chỉ dừng ở đào tạo, mối quan hệ hợp tác còn mở rộng cơ hội phát triển nghiên cứu ứng dụng, kích thích sáng tạo và tăng cường chuyển giao công nghệ. Để bảo đảm hiệu quả lâu dài, cần tiếp tục hoàn thiện khung chính sách hỗ trợ, đồng thời khuyến khích tinh thần chủ động từ cả phía cơ sở đào tạo lẫn doanh nghiệp, hướng tới xây dựng niềm tin và cam kết hợp tác bền chặt. Khi sự phối hợp giữa Nhà nước, nhà trường và doanh

nh nghiệp được tăng cường, hệ thống đào tạo sẽ vận hành hiệu quả hơn, qua đó góp phần nâng cao chất lượng nhân lực, đáp ứng mục tiêu phát triển nhanh và bền vững của quốc gia.

Tài liệu tham khảo

- [1] Quốc hội. (2018). Luật số: 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Hà Nội.
- [2] Quốc hội. (2020). Luật số: 59/2020/QH14, Luật Doanh nghiệp, Hà Nội.
- [3] Chính phủ. (2012). Chiến lược Phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020, Hà Nội.
- [4] Quốc hội. (2012). Luật số 08/2012/ QH13 ngày 18/6/2012, Luật Giáo dục Đại học, Hà Nội.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2013). Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Hà Nội.
- [6] T.H. Phạm. (2021). Hợp tác đại học và doanh nghiệp trong bối cảnh hiện nay. *Tạp chí Quản lý Nhà nước điện tử*. ngày 14/9/2021.
- [7] V.H. Nguyễn. (2017). Mối quan hệ giữa trường đại học và doanh nghiệp trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và áp dụng mô hình Triple Helix nhằm thúc đẩy mối quan hệ này tại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và phát triển*. 127(5A):119-131.
- [8] N. D. Nghia. (2020). Cooperation between higher education institutions and enterprises in training high-quality human resources. *Journal of Educational Sciences*, vol. 181, no.5, pp.17-23
- [9] N. Anh. (2023). Đại học Đà Nẵng hợp tác với doanh nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao”, Báo điện tử Chính phủ. ngày 29/6/2023.
- [10] M. Chi. (2025). UTT mở rộng hợp tác Hàn Quốc triển khai nhiệm vụ chiến lược giao thông - xây dựng. Báo Giáo dục Việt Nam. ngày 14/8/2025.